

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 3 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) cho năm kết thúc ngày 31/12/2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

- Mã chứng khoán: QHW
- Địa chỉ: Tổ 3A, Khu 4, phố Suối Mơ, phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại liên hệ: 0203 3846799 Fax:
- E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2024.

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên, không có đơn vị trực thuộc) ☒

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con) ☐

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng) ☐

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân (Công ty CP Nước khoáng Quảng Ninh không phải Công ty đại chúng quy mô lớn):

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có ☐

Không ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có ☐

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☐



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có ☐

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có ☐

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☐

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 03/3/2025 tại đường dẫn: <https://www.nuockhoangquangninh.com.vn/co-dong/cong-bo-thong-tin>.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2024.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Người đại diện theo pháp luật



NGUYỄN THIỀU NAM





**Công ty Cổ phần Nước khoáng
Quảng Ninh**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024**



Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 5700379618

ngày 1 tháng 9 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 13 tháng 12 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thiều Nam	Chủ tịch
Ông Đàm Sơn	Thành viên
Ông Trần Phương Bắc	Thành viên
Ông Trần Tuấn Cường	Thành viên
Ông Huỳnh Việt Thăng	Thành viên
Ông Lê Đình Tuấn	Thành viên
	(từ ngày 5 tháng 4 năm 2024)
Ông Dương Mạnh Cường	Thành viên
	(đến ngày 4 tháng 4 năm 2024)

Ủy ban Kiểm toán

Ông Huỳnh Việt Thăng	Chủ tịch
Ông Lê Đình Tuấn	Thành viên
	(từ ngày 5 tháng 4 năm 2024)
Ông Dương Mạnh Cường	Thành viên
	(đến ngày 4 tháng 4 năm 2024)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Chính	Tổng Giám đốc
	(từ ngày 17 tháng 7 năm 2024)
	Phó Tổng Giám đốc
	(đến ngày 16 tháng 7 năm 2024)
Ông Đàm Sơn	Tổng Giám đốc
	(đến ngày 16 tháng 7 năm 2024)
Ông Huỳnh Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tổ 3A, Khu 4
Phố Suối Mơ
Phường Bãi Cháy
Thành phố Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam


Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.


Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Hữu Chính
Tổng Giám đốc
Đại diện theo ủy quyền

Tỉnh Quảng Ninh, ngày 24 tháng 2 năm 2025



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 2 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-01291-25-1



Trương Vĩnh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Triệu Tích Quyền

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 2 năm 2025

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		272.711.003.883	241.273.127.993
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	106.034.570.914	53.377.563.144
Tiền	111		534.570.914	1.377.563.144
Các khoản tương đương tiền	112		105.500.000.000	52.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		97.500.000.000	118.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	97.500.000.000	118.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.211.477.063	61.268.848.317
Phải thu của khách hàng	131	6	55.191.732.986	54.962.179.092
Trả trước cho người bán	132		3.235.453.666	3.018.302.102
Phải thu ngắn hạn khác	136		1.784.290.411	3.288.367.123
Hàng tồn kho	140	7	8.566.864.918	8.065.414.393
Hàng tồn kho	141		8.598.859.290	8.094.913.825
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(31.994.372)	(29.499.432)
Tài sản ngắn hạn khác	150		398.090.988	561.302.139
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		373.277.299	561.302.139
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		24.813.689	-
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		32.292.155.521	36.958.232.141
Các khoản phải thu dài hạn	210		812.717.000	812.717.000
Phải thu dài hạn khác	216		812.717.000	812.717.000
Tài sản cố định	220		20.043.945.231	24.955.056.100
Tài sản cố định hữu hình	221	8	15.517.104.594	19.837.757.990
Nguyên giá	222		70.696.839.811	71.637.778.142
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.179.735.217)	(51.800.020.152)
Tài sản cố định vô hình	227	9	4.526.840.637	5.117.298.110
Nguyên giá	228		18.054.278.798	18.054.278.798
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.527.438.161)	(12.936.980.688)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.503.600.000	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	3.503.600.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		7.931.893.290	11.190.459.041
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	7.184.689.702	10.381.680.298
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	747.203.588	808.778.743
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		305.003.159.404	278.231.360.134

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		32.528.707.823	33.004.675.028
Nợ ngắn hạn	310		26.586.792.072	25.233.426.028
Phải trả người bán ngắn hạn	311		16.800.689.326	12.494.153.377
Thuế phải nộp Nhà nước	313	13	3.698.879.677	4.469.497.151
Chi phí phải trả	315	14	5.716.743.129	7.989.900.380
Phải trả ngắn hạn khác	319		235.579.940	121.975.120
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		134.900.000	157.900.000
Nợ dài hạn	330		5.941.915.751	7.771.249.000
Phải trả người bán dài hạn	331		1.385.910.000	2.771.822.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	15	4.556.005.751	4.999.427.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		272.474.451.581	245.226.685.106
Vốn chủ sở hữu	410	16	272.474.451.581	245.226.685.106
Vốn cổ phần	411	17	80.000.000.000	80.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	17	176.083.000	176.083.000
Cổ phiếu quỹ	415	17	(247.200.000)	(247.200.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		192.545.568.581	165.297.802.106
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		155.722.522.106	123.124.763.816
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	421b		36.823.046.475	42.173.038.290
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		305.003.159.404	278.231.360.134

Ngày 24 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Phùng Thị Yên
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán Trưởng



Nguyễn Hữu Chính
Tổng Giám đốc
Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	228.293.562.552	245.031.897.835
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	-	16.051.560
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	20	228.293.562.552	245.015.846.275
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	173.050.028.095	183.877.935.970
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		55.243.534.457	61.137.910.305
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	7.891.651.321	11.911.543.084
Chi phí tài chính	22		98.997.500	48.842.500
Chi phí bán hàng	25		3.883.426.025	4.284.717.220
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	13.130.624.717	16.277.824.063
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		46.022.137.536	52.438.069.606
Thu nhập khác	31		92.746.908	359.773.180
Chi phí khác	32		861.080	1.255.939
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		91.885.828	358.517.241
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		46.114.023.364	52.796.586.847
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	9.229.401.734	10.701.611.470
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	25	61.575.155	(78.062.913)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		36.823.046.475	42.173.038.290
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	4.615	5.285

Ngày 24 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Phùng Thị Yên
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:




Phạm Thị Thu Hương
Kế toán Trưởng

Nguyễn Hữu Chính
Tổng Giám đốc
Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	46.114.023.364	52.796.586.847
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	5.030.215.975	5.422.301.911
Các khoản dự phòng	03	(244.491.080)	(36.229.138)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.880.000	4.462.500
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(7.920.908.821)	(12.180.418.993)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	42.984.719.438	46.006.703.127
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(510.804.849)	51.777.961
Biến động hàng tồn kho	10	(700.380.694)	495.655.177
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(812.869.511)	3.054.506.998
Biến động chi phí trả trước	12	4.307.780.938	3.816.049.315
		45.268.445.322	53.424.692.578
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.527.629.088)	(9.157.779.056)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(23.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	35.717.816.234	44.266.913.522
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(3.408.605.997)	(3.149.982.389)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	90.000.000	354.590.909
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(317.000.000.000)	(259.000.000.000)
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	337.500.000.000	161.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	9.334.985.533	8.957.803.427
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	26.516.379.536	(91.837.588.053)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền chi trả cổ tức	36	(9.577.188.000)	(9.572.202.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.577.188.000)	(9.572.202.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	52.657.007.770	(57.142.876.531)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	53.377.563.144	110.520.439.675
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	106.034.570.914	53.377.563.144

Ngày 24 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Phùng Thị Yến
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán Trưởng



Nguyễn Hữu Chính
Tổng Giám đốc
Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đồ uống không cồn và nước khoáng; khai thác, xử lý và cung cấp nước.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Nhân sự của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 158 nhân viên (1/1/2024: 181 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 6 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền khai thác nước khoáng

Chi phí để có được quyền khai thác nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 18 năm.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí giải phóng mặt bằng

Chi phí giải phóng mặt bằng là chi phí bồi thường mà Công ty chi trả cho dân cư tại khu vực thuê mặt bằng. Chi phí giải phóng mặt bằng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

(ii) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trong thời gian 5 năm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web...). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chuyển thành công ty cổ phần).

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(o) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi từ tiền gửi ngân hàng và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính, đó là sản xuất và kinh doanh đồ uống và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(s) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng	534.570.914	1.377.563.144
Các khoản tương đương tiền	105.500.000.000	52.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	106.034.570.914	53.377.563.144

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	97.500.000.000	118.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu của khách hàng****Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	55.185.779.941	54.943.741.944
Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	-	9.420.154

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi trong vòng 90 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	5.627.120.823	(31.994.372)	6.297.687.005	(16.492.474)
Công cụ và dụng cụ	2.901.407.974	-	1.783.554.187	-
Thành phẩm	70.330.493	-	13.672.633	(13.006.958)
	8.598.859.290	(31.994.372)	8.094.913.825	(29.499.432)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	29.499.432	-
Dự phòng trích lập trong năm	198.930.169	68.159.862
Dự phòng sử dụng trong năm	(196.435.229)	(38.660.430)
Số dư cuối năm	31.994.372	29.499.432

Trong hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có 32 triệu VND (1/1/2024: 29 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	32.671.760.054	35.894.489.340	3.000.231.294	71.297.454	71.637.778.142
Tăng trong năm	-	119.105.106	-	-	119.105.106
Thanh lý	-	(423.164.000)	(185.000.000)	(40.933.818)	(649.097.818)
Xoá sổ	(410.945.619)	-	-	-	(410.945.619)
Số dư cuối năm	32.260.814.435	35.590.430.446	2.815.231.294	30.363.636	70.696.839.811
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	26.005.328.163	23.128.062.109	2.595.332.426	71.297.454	51.800.020.152
Khấu hao trong năm	1.065.053.673	3.231.403.307	143.301.522	-	4.439.758.502
Thanh lý	-	(423.164.000)	(185.000.000)	(40.933.818)	(649.097.818)
Xoá sổ	(410.945.619)	-	-	-	(410.945.619)
Số dư cuối năm	26.659.436.217	25.936.301.416	2.553.633.948	30.363.636	55.179.735.217
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	6.666.431.891	12.766.427.231	404.898.868	-	19.837.757.990
Số dư cuối năm	5.601.378.218	9.654.129.030	261.597.346	-	15.517.104.594

Trong tài sản cố định hữu hình của Công ty có các tài sản có nguyên giá là 35.643 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 31.014 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền khai thác nước khoáng VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	16.932.031.000	1.122.247.798	18.054.278.798
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	11.814.732.890	1.122.247.798	12.936.980.688
Khấu hao trong năm	590.457.473	-	590.457.473
Số dư cuối năm	12.405.190.363	1.122.247.798	13.527.438.161
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	5.117.298.110	-	5.117.298.110
Số dư cuối năm	4.526.840.637	-	4.526.840.637

Trong tài sản cố định vô hình của Công ty có các tài sản có nguyên giá là 1.293 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 1.293 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND
Số dư đầu năm	-
Tăng trong năm	4.426.365.502
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(922.765.502)
Số dư cuối năm	3.503.600.000

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Máy móc và thiết bị	3.494.400.000	-
Khác	9.200.000	-
	3.503.600.000	-

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	2.189.784.853	6.268.742.310	1.923.153.135	10.381.680.298
Tăng trong năm	-	-	652.815.513	652.815.513
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	922.765.502	922.765.502
Phân bổ trong năm	(224.593.317)	(3.134.371.153)	(1.413.607.141)	(4.772.571.611)
Số dư cuối năm	1.965.191.536	3.134.371.157	2.085.127.009	7.184.689.702

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại, thuần

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chi phí phải trả và dự phòng	1.097.401.150	999.885.400
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Tài sản cố định	(350.197.562)	(191.106.657)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	747.203.588	808.778.743

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2024 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Khấu trừ/Hoàn lại VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	381.720.031	18.299.018.796	(7.650.257.125)	(11.030.481.702)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.570.244.079	9.229.401.734	(9.527.629.088)	-	3.272.016.725
Thuế thu nhập cá nhân	74.470.003	1.136.055.010	(836.009.744)	(344.066.381)	30.448.888
Thuế tài nguyên	438.945.529	6.706.511.802	(6.753.125.177)	-	392.332.154
Các loại thuế khác	4.117.509	1.237.422.542	(1.237.458.141)	-	4.081.910
	4.469.497.151	36.608.409.884	(26.004.479.275)	(11.374.548.083)	3.698.879.677

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Chi phí phải trả**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Thưởng và lương tháng 13	4.378.140.287	7.675.532.134
Chi phí khác	1.338.602.842	314.368.246
	<hr/>	<hr/>
	5.716.743.129	7.989.900.380

15. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động trong năm của dự phòng trợ cấp thôi việc như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	4.999.427.000	5.103.816.000
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(443.421.249)	(104.389.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.556.005.751	4.999.427.000

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	80.000.000.000	176.083.000	(247.200.000)	132.700.043.816	212.628.926.816
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	42.173.038.290	42.173.038.290
Cổ tức (Thuyết minh 18)	-	-	-	(9.575.280.000)	(9.575.280.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	80.000.000.000	176.083.000	(247.200.000)	165.297.802.106	245.226.685.106
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	36.823.046.475	36.823.046.475
Cổ tức (Thuyết minh 18)	-	-	-	(9.575.280.000)	(9.575.280.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	80.000.000.000	176.083.000	(247.200.000)	192.545.568.581	272.474.451.581

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	80.000.000.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	20.600	247.200.000
Vốn cổ phần hiện đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	7.979.400	79.794.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		176.083.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

18. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 5 tháng 4 năm 2024 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền với số tiền là 9.575 triệu VND (2023: 9.575 triệu VND).

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.885.002.096	1.582.156.920
Trong vòng hai đến năm năm	2.191.460.521	1.299.245.280
Sau năm năm	1.290.817.463	1.459.997.202
	5.367.280.080	4.341.399.402

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	16.175.362.816	279.633.776
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	6.968.164.151	4.634.230.789
	23.143.526.967	4.913.864.565

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2024 VND	2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng và cung cấp dịch vụ	228.293.562.552	245.031.897.835
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	-	16.051.560
Doanh thu thuần	228.293.562.552	245.015.846.275

21. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2024 VND	2023 VND
Giá vốn của hàng bán và dịch vụ cung cấp	172.851.097.926	183.809.776.108
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	198.930.169	68.159.862
	173.050.028.095	183.877.935.970

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.830.908.821	11.825.828.084
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	60.742.500	85.715.000
	<hr/>	<hr/>
	7.891.651.321	11.911.543.084

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	7.573.989.145	11.001.601.452
Chi phí khấu hao tài sản cố định	252.338.719	252.338.719
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	186.360.567	174.815.273
Chi phí khác	5.117.936.286	4.849.068.619
	<hr/>	<hr/>
	13.130.624.717	16.277.824.063

24. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	129.070.025.681	135.930.722.669
Chi phí nhân viên	35.073.794.962	41.765.260.349
Chi phí khấu hao	5.030.215.975	5.422.301.911
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.516.878.049	14.050.260.309
Chi phí khác	8.373.164.170	7.271.932.015
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	9.229.401.734	10.701.611.470
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	61.575.155	(78.062.913)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	9.290.976.889	10.623.548.557

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	46.114.023.364	52.796.586.847
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	9.222.804.673	10.559.317.369
Chi phí không được khấu trừ thuế	68.172.216	64.231.188
Thuế suất áp dụng	9.290.976.889	10.623.548.557

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% trên thu nhập chịu thuế.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ các cơ quan thuế khác nhau. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này có thẩm quyền đánh thuế, phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là cao hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của Ban Giám đốc về luật thuế, bao gồm các quy định về chuyên giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác nhau và mức ảnh hưởng (nếu có) có thể là đáng kể.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được dựa trên lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty, sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm và số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	36.823.046.475	42.173.038.290

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2024 Cổ phiếu	2023 Cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm	7.979.400	7.979.400

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2024 VND	2023 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.615	5.285

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do vậy, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty mẹ của công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
Bán hàng hóa và dịch vụ	227.983.745.422	244.886.322.986
Mua hàng hóa	107.519.655	86.863.312
Công ty mẹ		
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage		
Cổ tức	6.304.920.000	6.304.920.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo		
Bán hàng hóa	2.963.611	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	235.845.630	1.536.523.232
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce		
Mua hàng hóa	1.002.908	55.537.392
Công ty Cổ phần Mobicast		
Mua dịch vụ	44.894.127	43.982.255
Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa		
Bán hàng hóa	189.190.674	8.563.776
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution		
Mua hàng hóa	32.580.000	-
Thành viên quản lý chủ chốt		
Thù lao	2.678.258.347	4.093.961.662

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều khoản thương mại thông thường.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bao gồm trong thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt, phí, lương và thưởng đã chi trả của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán, và Tổng Giám đốc của Công ty như sau:

Tên	Chức vụ	2024 VND	2023 VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Chủ tịch	-	-
Ông Đàm Sơn	Thành viên	100.000.000	-
Ông Trần Phương Bắc	Thành viên	-	-
Ông Trần Tuấn Cường	Thành viên	-	-
Ông Huỳnh Việt Thắng	Thành viên	-	-
Ông Lê Đình Tuấn	(từ ngày 5 tháng 4 năm 2024) Thành viên	180.000.000	-
Ông Dương Mạnh Cường	(đến ngày 4 tháng 4 năm 2024) Thành viên	60.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Chí Thành	(đến ngày 7 tháng 4 năm 2023)	-	60.000.000
Ủy ban Kiểm toán			
Ông Huỳnh Việt Thắng	Chủ tịch	-	-
Ông Lê Đình Tuấn	(từ ngày 5 tháng 4 năm 2024) Thành viên	-	-
Ông Dương Mạnh Cường	(đến ngày 4 tháng 4 năm 2024)	-	-
Ban Giám đốc			
Ông Nguyễn Hữu Chính	Tổng Giám đốc (từ ngày 17 tháng 7 năm 2024)	1.190.192.635	-
Ông Đàm Sơn	Tổng Giám đốc (đến ngày 16 tháng 7 năm 2024)	904.593.328	1.987.298.940

28. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

Ngày 24 tháng 2 năm 2025

Người lập:

Phùng Thị Yến
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:

Phạm Thị Thu Hương
Kế toán Trưởng

Nguyễn Hữu Chính
Tổng Giám đốc
Đại diện theo ủy quyền